

# ĐẶC ĐIỂM ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA NGÀNH XÃ HỘI HỌC TẠI ĐẠI HỌC MỞ - BÁN CÔNG TP. HỒ CHÍ MINH

Ths. NGUYỄN XUÂN NGHĨA\*

vấn đề xã hội sẽ nảy sinh do cơ chế kinh tế thị trường; do đó đã xác định mục tiêu của chương trình đào tạo là cung cấp cho xã hội những con người sẽ hoạt động trong lãnh vực phát triển xã hội, được trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ để tìm hiểu, nghiên cứu và làm việc với những cộng đồng, những thành phần xã hội chịu nhiều sự thiệt thòi do sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế, do sự vận hành của nền kinh tế thị trường. Cũng chính vì vậy mà chương trình có sự kết hợp giữa xã hội học, công tác xã hội, khoa học về giới và của các khoa học xã hội ứng dụng khác.

Lối tiếp cận liên ngành như trên dựa trên quan điểm cơ bản: hiện tượng xã hội mang tính toàn diện (M. Mauss), có nhiều chiều kích, do đó phải được lãnh hội, lý giải và giải quyết trên nhiều khía cạnh. Lối tiếp cận này tỏ ra thích hợp trong bối cảnh xã hội của thời đại bùng nổ thông tin với nhiều biến đổi nhanh chóng, đòi hỏi những kiến thức liên ngành và khả năng thích ứng.

Cũng do những điều kiện đặc thù (thế mạnh về nhân sự, sự hợp tác quốc tế...), chương trình đào tạo cử nhân xã hội học tại khoa có mối quan hệ đặc biệt khăng khít với khoa học về giới và công

tác xã hội: trong các môn của phần giáo dục chuyên ngành, tỷ lệ các môn khoa học về giới chiếm khoảng 13% tổng số các đơn vị học trình, công tác xã hội 28%; tâm lý học: 6%, quản trị học 6%... Nhưng đồng thời chương trình đào tạo vẫn bám sát phương châm mà ngành giáo dục đại học đã đề ra là đào tạo theo diện rộng có chuyên môn hóa hợp lý, do đó các môn thuộc lãnh vực xã hội học chiếm khoảng 43% tổng số các đơn vị học trình phần giáo dục chuyên ngành.

Một đặc điểm lớn trong chương trình đào tạo tại khoa là tính thực hành và ứng dụng. Đặc điểm này nằm trong phương hướng của Đại học Mở - Bán công là đào tạo ra những cử nhân, kỹ sư thực hành. Sinh viên theo ngành xã hội học không những phải nắm vững những lý thuyết, phương pháp, kỹ năng điều tra xã hội học, mà còn phải nắm vững một số kỹ năng của ngành công tác xã hội (kỹ năng công tác xã hội cá nhân, nhóm, kỹ năng phát triển cộng đồng...), của tâm lý học (kỹ năng tham vấn), của phụ nữ học (phân tích giới...), của phát triển học (quản lý dự án...). Thời gian thực tập và các môn về phương pháp nghiên cứu, rèn luyện kỹ năng chiếm tới 26 đơn

vị học trình.

Trong từng môn xã hội học chuyên ngành, ngoài những phần lý thuyết, sinh viên còn được trang bị những kiến thức cụ thể của tình hình xã hội Việt Nam có liên quan cũng như những phương pháp nghiên cứu cụ thể đã từng được sử dụng trong lĩnh vực. Khoa đặc biệt quan tâm đến việc đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp chủ động, có sự tham gia của sinh viên. Năm 1997, một điều tra nhỏ về phương pháp giảng dạy của các giảng viên trong khoa cho thấy: bên cạnh việc 100% giảng viên đều dùng phương pháp thuyết giảng, còn có 67,7% giảng viên cho sinh viên thuyết trình trong lớp, 64,5% có áp dụng phương pháp thảo luận nhóm, 41,9% áp dụng trò chơi, đóng vai (role playin), kịch xã hội; 38,7% sử dụng các phương tiện nghe nhìn...<sup>2</sup> Trong một cuộc hội thảo khoa học gần đây của ngành xã hội học ở Thành phố, một báo cáo đã nhận xét khoa Xã hội học của Đại học Mở - Bán công là nơi áp dụng các phương pháp chủ động nhiều hơn so với các cơ sở đào tạo khác<sup>3</sup>.

Tính ứng dụng của chương

(\*) Phó Trưởng khoa xã hội học, Đại học Mở - Bán công Tp. Hồ Chí Minh.

trình còn thể hiện trong việc kết hợp giữa công tác đào tạo, biên soạn tài liệu giảng dạy và nghiên cứu.

Lực lượng giảng viên cơ hữu của khoa không đông, nhưng bên cạnh công tác giảng dạy còn phải tham gia biên soạn giáo trình, dịch các tài liệu tham khảo, hướng dẫn thực tập và nghiên cứu. Không kể đến những nghiên cứu của các giảng viên được đăng trên các tạp chí và sách chuyên ngành, đến nay, khoa đã cho in và công bố 55 tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo và các công trình nghiên cứu (có lưu trữ tại văn phòng khoa).

Là một trong những khoa đầu tiên tại Thành phố Hồ Chí Minh có hệ đào tạo cử nhân xã hội học theo chương trình bốn năm, khoa đã mạnh dạn có chương trình biên soạn các tài liệu giảng dạy có liên quan đến lãnh vực xã hội học. Một số tài liệu giảng dạy, tập bài giảng đã được in ấn, tạo điều kiện cho sinh viên có tài liệu tham khảo trong bối cảnh các tài liệu tham khảo về xã hội học rất thiếu vào thời điểm những năm 1992 - 1993<sup>4</sup>. Nhà nghiên cứu xã hội học Nguyễn Quang Vinh đã nhận định, trong một cuộc hội thảo năm 2001: *"Có thể nhắc đến hai cơ sở đã và đang làm khá tốt công tác thông tin xã hội, phục vụ nghiên cứu và đào tạo, đó là Viện Xã hội học ở Hà Nội và Khoa Phụ nữ học, Đại học Mở - Bán công TP.HCM"*<sup>5</sup>.

Về công tác nghiên cứu, ý thức được rằng đất nước chúng ta đang ở giai đoạn chuyển tiếp của thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa, một số thành phần xã hội sẽ gặp khó khăn trong giai đoạn chuyển đổi này, do đó Khoa đặt trọng tâm nghiên cứu về trẻ em, phụ nữ và một số vấn đề về phát triển cộng đồng. Khoa đã thực hiện những đề tài nghiên cứu về

trẻ em lao động, trẻ em hồi hương, việc lạm dụng tình dục trong gia đình đối với trẻ em, tình hình học tập của trẻ em ở nông thôn, việc hội nhập trẻ em làm trái pháp luật, thanh thiếu niên nghiện ma túy, công tác xã hội học đường trong trường học cấp 1 và 2<sup>6</sup>... Các nghiên cứu liên quan đến phụ nữ: tình hình nạo phá thai ở tuổi vị thành niên<sup>7</sup>, bạo hành trong gia đình, các vấn đề của gia đình Việt Nam đương đại, phụ nữ nông thôn và chuyển giao công nghệ, phụ nữ và nhà ở, phụ nữ trí thức trong chuyển đổi kinh tế, nữ công nhân nhập cư, giới trong cộng đồng, quá trình xã hội hóa về giới<sup>8</sup>... Các nghiên cứu liên quan đến cộng đồng như tìm hiểu các mối liên kết xã hội tại các cộng đồng đô thị và sự thay đổi của chúng<sup>9</sup>, vai trò của các đoàn thể xã hội trong việc phát triển cộng đồng<sup>10</sup>.

Ngày nay, một số đề tài nghiên cứu về trẻ em, phụ nữ, phát triển cộng đồng khá phổ biến tại một số cơ quan nghiên cứu và tổ chức xã hội, nhưng những nghiên cứu của khoa Xã hội học và những thời điểm được tiến hành vẫn được xem là những nghiên cứu đầu tiên trong lĩnh vực có liên quan<sup>11</sup>.

Các công trình nghiên cứu đã giúp cho một số giảng viên thu thập những dữ kiện cụ thể; bổ sung, minh họa cho những phân lý thuyết đôi khi khô khan của mình. Đồng thời cũng giúp kiểm nghiệm lại các lý thuyết, rút ra các bài học từ kinh nghiệm cụ thể của môi trường xã hội Việt Nam.

Một số công trình nghiên cứu - về trẻ em, về môi trường, về cộng đồng - được tiến hành để làm cơ sở cho các dự án phát triển ở địa phương, đồng thời là nơi thực tập của sinh viên, ngoài ra còn là nơi thu hút sinh viên sau khi tốt nghiệp<sup>12</sup>.

Các công trình nghiên cứu của

khoa đều có sự tham gia của sinh viên. Mỗi công trình đều có từ 10 đến 20 sinh viên tham gia. Đây chính là cơ hội để sinh viên được học hỏi và áp dụng những kiến thức, phương pháp, kỹ năng đã được học từ lý thuyết. Từ những gợi ý của những công trình nghiên cứu nói trên, một số sinh viên thuộc loại khá, giỏi đã chọn cho mình những đề tài để làm luận văn tốt nghiệp. Nhiều luận văn của sinh viên, ngoài việc áp dụng các phương pháp điều tra xã hội học cổ điển, cũng đã áp dụng các phương pháp, các lối tiếp cận mới, như áp dụng phương pháp PRA (phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của đối tượng) để lượng giá các dự án ở cộng đồng, để nghiên cứu về trẻ em, áp dụng phương pháp phân tích nội dung (content analysis) để phân tích hình tượng phụ nữ trên quảng cáo, vấn đề giới trong sách giáo khoa cấp một, áp dụng lối tiếp cận văn hóa trong nghiên cứu nghèo đói...

Đến nay, khoa xã hội học đã có một tập hợp của gần 100 luận văn tốt nghiệp, được nhiều cơ quan xã hội, giảng viên, sinh viên đến tham khảo.

Công tác đào tạo và nghiên cứu ngành xã hội học tại Đại học Mở - Bán công TP.HCM, trong những năm qua đạt một số kết quả là nhờ khoa có một số cán bộ giảng dạy và nghiên cứu nhạy bén và có năng lực, có tinh thần đoàn kết, làm việc tập thể với sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Khoa còn biết kết hợp và được hỗ trợ tích cực của các tổ chức xã hội bên ngoài trường đại học tham gia vào công tác đào tạo và nghiên cứu. Kinh nghiệm làm việc với các tổ chức xã hội (cả trong nước và nước ngoài) đã giúp khoa nhanh nhạy nắm bắt, cập nhập những kiến thức, phương pháp, kỹ năng và

những nguồn tài nguyên mới.

Mặc dù chương trình đào tạo của khoa bước đầu đã đi vào các chuyên ngành, nhưng trong tương lai, xã hội Việt Nam với có những biến đổi nhanh chóng, sẽ đòi hỏi những kiến thức chuyên sâu hơn để giải quyết những vấn đề xã hội có tính khoa học, triệt để, cụ thể hơn.

Mặt khác, một chương trình đào tạo mang tính liên ngành ngoài những thế mạnh của nó, đòi hỏi người học phải có bản lĩnh cao, có cái nhìn toàn diện nhưng đồng thời không được phép có cái nhìn hời hợt tổng quát và phân biệt được tính đặc thù, chuyên biệt của từng ngành học.

Tính ứng dụng, thực hành của chương trình đào tạo có lẽ thích hợp trong giai đoạn hiện nay – hơn 70% sinh viên tốt nghiệp có việc làm. Nhưng trong dài hạn, để có những đóng góp sâu sắc, mang tính phê phán đúng nghĩa của xã hội học thì những kiến thức lý thuyết chuyên sâu là những điều kiện không thể thiếu trong chương trình đào tạo.

Như nhà xã hội học phương Tây nổi tiếng Anthony Giddens đã nhận định: *“Chủ đề về hiện đại hóa và những ảnh hưởng của nó đã luôn luôn là trong tâm được ưa thích của xã hội học”*<sup>13</sup>. Ở Việt Nam hiện nay cũng vậy, nền kinh tế, xã hội, văn hóa đang thay đổi nhanh chóng do những cải cách của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và việc hội nhập toàn cầu. Những thay đổi nhanh chóng này đòi hỏi ngành xã hội học phải có những khái niệm công cụ, phương pháp luận mới để phân tích và hiểu được những hiện tượng xã hội. Nhưng đồng thời thực tiễn xã hội cũng đòi hỏi những người giảng dạy và học tập xã hội học không những phải luôn cập nhật kiến thức về những

lý thuyết, phương pháp và kỹ năng mới mà còn phải biết ứng dụng chúng một cách linh động và sáng tạo, hòng có thể lý giải được và đề ra những giải pháp đa dạng, đặc thù và phù hợp với hoàn cảnh xã hội Việt Nam hiện nay.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Từ 8-2003, Khoa Phụ Nữ học được đổi tên thành khoa Xã hội học. Tại TP.HCM, ngoài ĐHMBC – TP.HCM, còn có Khoa Xã hội học tại Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn được thành lập năm 1997, Ngành Xã hội học trong Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Tôn Đức Thắng; 1997; Khoa Xã hội học Đại học Văn Hiến: 1999.
2. Radda Barnen & Women Studies Department, HOU, E valuation of social work training at the WSD – OU, HCMC, 1997, pp. 20-21.
3. Đỗ Văn Bình (Phó khoa trưởng Khoa XHH, Đại học Văn Hiến), “Bàn về phương pháp giảng dạy chuyên ngành xã hội học”, Hội thảo khoa học Nâng cao chất lượng đào tạo nghiên cứu khoa học ngành xã hội học, Trường KHXH & NV TP. HCM, 14-15/11/2003.
4. Ngay từ những năm 1993 khoa đã cho in ấn các tài liệu giảng dạy – mặc dù còn nhiều thiếu sót, nhưng được dùng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên – trong hoàn cảnh hầu như rất ít tài liệu giáo khoa về xã hội học, phụ nữ học và công tác xã hội bằng tiếng Việt. Có thể kể ra một số như: Xã hội học nhập môn (1993) của Trần Hữu Quang; Xã Hội học: Khái niệm, Khuynh hướng, Vấn đề (1994), Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội (1995) của Nguyễn Xuân Nghĩa; Phát triển công đồng, Công tác xã hội đại cương, gia đình nhìn từ góc độ xã hội của Nguyễn Thị Oanh; Phụ nữ Học Nhập Môn, của Thái Thị Ngọc Dư, Xã hội học về truyền thống đại chúng của Trần Hữu Quang; Khoa học giao tiếp, Quản lý dự án của Nguyễn Ngọc Lâm...
5. Nguyễn Quang Vinh, “Bảo đảm nguồn dưỡng khí dồi dào cho một cơ thể đang lớn mạnh” trong Hội thảo. Phát triển và nâng cao chất lượng thông tin – tư liệu về xã hội học phục vụ công tác nghiên cứu và đào tạo, Trường KHXH&NV TP.HCM, 2-2001, tr.114.
6. M.Loughry, Nguyen Xuan Nghia,

The Integration of unaccompanied returnee children (URC) in Thua Thien – Hue Province, HCMC Open University, 1997; Nguyễn Xuân Nghĩa (cb), Trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, ĐHM-BC, 1997 Nguyễn Xuân Nghĩa (cb), Trẻ em bị lạm dụng tình dục, ĐHM-BC TP.HCM, 1998; Nguyễn Xuân Nghĩa (cb)

Trẻ em làm trái pháp luật và việc tái hội nhập vào cộng đồng, ĐHM-BC, 1999; Nguyễn Thị Nhân (dịch), Một số bài đọc về an sinh nhi đồng, Khoa PNH, Ban Xuất bản Đại học Mở – Bán công, 1999. Lê Chí Anh (dịch), 500 bí quyết làm việc với trẻ có nhu cầu đặc biệt, Khoa PNH, Ban xuất bản Đại học Mở – Bán công, 2000. Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Nhân, Lương giá dự án công tác xã hội học đường tại Quận 8 và Quận 11 – TP.HCM, Khoa PNH, ĐHM-BC, 2000.

7. Phan Gia Tran, Le Phuong Chi, Do Van Binh, Adolescent sex education from parent side: a case study in HCMC, WSD-HOU&Ford Foundation, 1999.

8. Thái Thị Ngọc Dư, Nguyễn Xuân Nghĩa, Female Migrant Workers, WSD-HOU& British Council, 2000; Nguyễn Xuân Nghĩa, Quá trình xã hội hóa về giới trẻ em (Tìm hiểu ở vùng nội thành TP.HCM), ĐHMBC, 2000.

9. Thái Thị Ngọc Dư, Nguyễn Xuân Nghĩa, Phan Gia Tran, Contribution à l'étude sur les communautés urbaines de HCM ville: éléments constituantds et dynamique sociale, Université Ouverte de HCMV&ENDA, 1997.

10. Nguyen Ngoc Lam, “The Role of Mass Organisations in Community Development in Viet Nam” in Building Partnerships for Better Development, Coference Proceedings, 1st

Internation Outlook Conference on Community Development in Asia-Pacific, Sukhothai Thammathirat Open University, Bangkok, Thailand, september, 1998.

11. Xin Lưu ý, năm xuất bản của các công trình nghiên cứu thường đi sau thời điểm nghiên cứu vài năm.

12. Như các dự án Tân Hóa – Lò Gốm, dự án Phường 15, Gò Vấp; dự án về bạo hành phụ nữ ở Phường Cô Giang, Quận 1...

13. Anthony Giddens, “La sociologie comme conscience de la modernité”, trong Philippe Cabin & Jean Francois Dortier, La Sociologie: Histoire et Idées, Sciences Humaines Ed. 2000, tr.147.